VIETNAM PETROLEUM INSTITUTE
RESEARCH AND DEVELOPMENT CENTRE FOR PETROLEUM SAFETY AND ENVIRONMENT
PETROVIETNAM VPI
Lot E2b-5, D1 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, HCMC
Tel: 84-28-355 66 075 - Fax: 84-28-355 66 076 - Email: cpse@vpi.pvn.vn

VIMCERTS 001
VILAS 546 ISO/IEC 17025:2017
ISO 9001:2015

Số/*No.*: 26.06.051.NCS.03.26.2	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	Ngày/*Date*: 26/05/2026 Trang/*Page*: 1/2

1. Tên khách hàng / *Customer* : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN / *BRANCH OF PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION – NAM CON SON PIPELINE COMPANY (NCSP)*
2. Địa chỉ / *Address* : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp.HCM / *Provincial Road 44, Long Dien Commune, HCMC*
3. Địa điểm lấy mẫu / *Sampling location* : Nước thải sinh hoạt sau xử lý (SW1.2) lấy tại vị trí điểm xả thải. / *Treated domestic wastewater (SW1.2) was taken at the discharge point*
4. Loại mẫu / *Sample type* : Mẫu nước thải sinh hoạt (SW) / *Domestic wastewater (SW) sample*
5. Số lượng mẫu / *Quantity of samples* : 01 mẫu / *01 sample*
6. Mô tả mẫu / *Sample description* : Mẫu vàng nhạt / *sample is light yellow*
7. Phương pháp phân tích / *Test method* : Xin vui lòng xem ở Bảng sau / *See in the Table*
8. Ngày lấy mẫu / Sampling date : 19/05/2026
9. Ngày nhận mẫu / *Receiving date* : 19/05/2026
10. Ngày trả kết quả / *Reporting date* : 26/05/2026
11. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xin vui lòng xem ở Bảng sau / *See in the Table*

TT *No.*	Thông số *Parameter*	Đơn vị *Unit*	Kết quả / *Result*	Phương pháp phân tích *Test method*
			SW1.2	
1.	pH	-	6,96	SMEWW 4500H$^+$:2023
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) *Total Suspended Solids (TSS)*	mg/L	24	SMEWW 2540D:2023
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total Dissolved Solids (TDS)*	mg/L	559	HD.CPSE.HM.87
4.	N-NO_3^- *Nitrate (N-NO_3^-)*	mg/L	20,2	SMEWW 4500- NO_3^-.E:2023

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÓA HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)

PHẠM THỊ TRANG VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)

M.S.C.N: 0100150295-005 - P.N.N - CHI NHÁNH VIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM - TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ - Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

BÙI HỒNG DIỄM

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử / Those testing results are only valid on the samples tested.
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / Information of samples is written as customer's request.
3. (*) Phương pháp được Vilas công nhận / Method is accredited by Vilas.
4. (**)Thông số không nằm trong phạm vi được chứng nhận bởi VIMCERTS / Parameter is not within the scope of VIMCERTS.
5. (KPH)-Không phát hiện / Not detected. (-)-Không quy định / Not regulated.
6. (KPT)-Không phân tích / Not analyzed.
7. (MDL)-Giới hạn phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.
8. (MQL)-Giới hạn định lượng của phương pháp / Method Quantification Limit.

VIETNAM PETROLEUM INSTITUTE
RESEARCH AND DEVELOPMENT CENTRE FOR PETROLEUM SAFETY AND ENVIRONMENT
PETROVIETNAM VPI
Lot E2b-5, D1 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, HCMC
Tel: 84-28-355 66 075 - Fax: 84-28-355 66 076 - Email: cpse@vpi.pvn.vn

VIMCERTS 001
VILAS 546 ISO/IEC 17025:2017
ISO 9001:2015

Số/*No.*: 26.06.051.NCS.03.26.2	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	Ngày/*Date*: 26/05/2026 Trang/*Page*: 2/2

TT *No.*	Thông số *Parameter*	Đơn vị *Unit*	Kết quả / *Result*	Phương pháp phân tích *Test method*
			SW1.2	
5.	$P\text{-}PO_4^{3-}$ *Phosphate ($P\text{-}PO_4^{3-}$)*	mg/L	4,84	SMEWW 4500-P.E:2023
6.	$N\text{-}NH_4^+$ *Ammonium ($N\text{-}NH_4^+$)*	mg/L	0,459	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
7.	Dầu mỡ động thực vật *Animal and vegetable fats and oils*	mg/L	KPH MDL=1,2	SMEWW 5520B&F:2023
8.	Tổng chất hoạt động bề mặt *Surface active agent*	mg/L	KPH MDL=0,02	SMEWW 5540B&C:2023
9.	Sulfua (S^{2-}) *Sulfide*	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
10.	Coliform	MPN/100mL	KPH MDL=2	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú / Notes:

- *KPH: Không phát hiện / Not detected; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit; MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp / Method Quantification Limit; "-": Không phân tích / Not analyzed.*
- *HD.CPSE.HM.87: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước.*

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÓA HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)

PHẠM THỊ TRANG VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)

CHI NHÁNH VIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ

BÙI HỒNG DIỄM

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử / Those testing results are only valid on the samples tested.
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / Information of samples is written as customer's request.
3. (*) Phương pháp được Vilas công nhận / Method is accredited by Vilas.
4. (**)Thông số không nằm trong phạm vi được chứng nhận bởi VIMCERTS / Parameter is not within the scope of VIMCERTS.
5. (KPH)-Không phát hiện / Not detected. (-)-Không quy định / Not regulated.
6. (KPT)-Không phân tích / Not analyzed.
7. (MDL)-Giới hạn phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.
8. (MQL)-Giới hạn định lượng của phương pháp / Method Quantification Limit.

VIETNAM PETROLEUM INSTITUTE
RESEARCH AND DEVELOPMENT CENTRE FOR PETROLEUM SAFETY AND ENVIRONMENT
PETROVIETNAM VPI
Lot E2b-5, D1 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, HCMC
Tel: 84-28-355 66 075 - Fax: 84-28-355 66 076 - Email: cpse@vpi.pvn.vn

VIMCERTS 001
VILAS 546 ISO/IEC 17025:2017
JAS-ANZ
ISO 9001:2015

Số/*No.*: 26.06.050.NCS.03.26.2	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	Ngày/*Date*: 26/05/2026 Trang/*Page*: 1/1

1. Tên khách hàng / *Customer* : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN / *BRANCH OF PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION – NAM CON SON PIPELINE COMPANY (NCSP)*
2. Địa chỉ / *Address* : Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp.HCM / *Provincial Road 44, Long Dien Commune, HCMC*
3. Địa điểm lấy mẫu / *Sampling location* : Nước thải sinh hoạt trước khi xử lý (SW1.1) và Nước thải sinh hoạt sau xử lý (SW1.2) / *Domestic wastewater (SW1.1) and treated domestic wastewater (SW1.2)*
4. Loại mẫu / *Sample type* : Mẫu nước thải sinh hoạt (SW) / *Domestic wastewater (SW) sample*
5. Số lượng mẫu / *Quantity of samples* : 02 mẫu (SW1.1 và SW1.2) / *02 samples (SW1.1 and SW1.2)*
6. Mô tả mẫu / *Sample description* : Mẫu SW1.1 đục có cặn; Mẫu SW1.2 vàng nhạt /*SW1.1 sample is turbid with sediment; SW1.2 sample is light yellow*
7. Phương pháp phân tích / *Test method* : Xin vui lòng xem ở Bảng sau / *See in the Table*
8. Ngày lấy mẫu / Sampling date : 19/05/2026
9. Ngày nhận mẫu / *Receiving date* : 19/05/2026
10. Ngày trả kết quả / *Reporting date* : 26/05/2026
11. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xin vui lòng xem ở Bảng sau / *See in the Table*

TT *No.*	Thông số *Parameter*	Đơn vị *Unit*	Kết quả / *Result*		Phương pháp phân tích *Test method*
			SW1.1	SW1.2	
1.	Tổng N *Total Nitrogen*	mg/L	122,3	43,5	SMEWW 4500-N.C:2023
2.	BOD_5 *Biochemical Oxygen Demand*	mg/L	240	49	SMEWW 5210B:2023

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG HÓA HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)

PHẠM THỊ TRANG VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)

M.S.C.N.: 0100150295-005 - D.N.N.N.V.N - CHI NHÁNH VIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ - Q. BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

BÙI HỒNG DIỄM

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử / Those testing results are only valid on the samples tested.
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / Information of samples is written as customer's request.
3. (*) Phương pháp được Vilas công nhận / Method is accredited by Vilas.
4. (**)Thông số không nằm trong phạm vi được chứng nhận bởi VIMCERTS / Parameter is not within the scope of VIMCERTS.
5. (KPH)-Không phát hiện / Not detected. (-)-Không quy định / Not regulated.
6. (KPT)-Không phân tích / Not analyzed.
7. (MDL)-Giới hạn phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.
8. (MQL)-Giới hạn định lượng của phương pháp / Method Quantification Limit.